TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2024/DS-ST
Ngày 27-9-2024

"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Đình Cam, ông Trần Quyết Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Dân- Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2024/TLST-DS, ngày 07/4/2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vàng Mí G, địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vàng Xúa C, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Cơ: Anh Vàng Mí Q; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện Đ, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Văn bản uỷ quyền ngày 03/5/2024); có mặt.

+ Ông Vàng Dũng S, ông Vàng Chứ S1, ông Vàng Mí P, cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Bà Vàng Thị D, địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Bà Vàng Thị X, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Anh Vàng Mí N, anh Vàng Mí Q, cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Đ,

tỉnh Hà Giang; anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Vàng Mí G trình bày:

Bố anh G là ông Vàng Pà C (sinh năm 1956, chết 2006) có khu đất rừng tại thửa M1, diện tích 0,5ha, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số L 877507 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/10/1998. Nguồn gốc khu đất rừng này là của ông cha anh G để lại, đến đời cụ anh G đã chia cho gia đình ông Vàng Xía M và ông Vàng Xía C (cụ anh G là bố đẻ của bố ông M và ông C) mỗi người một phần đất rừng, còn lại một phần chia cho bố anh G là ông C quản lý, sử dụng, được cấp GCNQSDĐ và ông C đã trồng cây sa mộc trên đất. Sau khi bố anh G chết, anh G là người tiếp tục sử dụng, quản lý khu đất rừng trên, không có tranh chấp với ai.

Tháng 7/2023, anh G lên khu rừng của gia đình cắt tỉa cây sa mộc và chặt một số cây giáp ranh với khu rừng của ông C. Ông C đã báo cáo thôn L là anh G phá rừng của ông C. Vụ việc đã được thôn, xã L hoà giải nhưng không thành. Ông C đã khởi kiện anh Gđến Toà án nhân dân huyện Đ cho rằng anh G là người phá rừng, tranh chấp đất với nhà ông C. Khi Toà án nhân dân (gọi tắt là TAND) huyện Đ giải quyết tranh chấp đất đai, anh Gmới biết ông C đã được cấp GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất mà cụ anh G đã chia cho bố anh G, ông M, ông C, tại GCNQSDĐ số AP 071089 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/01/2009 cho ông Vàng Xúa C, bà Giàng Thị C. Anh G đã đề nghị ông C rút Đơn khởi kiện ở TAND huyện Đ để anh khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của ông C.

Nay anh G khởi kiện đến TAND tỉnh Hà Giang, xem xét giải quyết những nội dung:

1. Buộc ông Giàng Xúa C trả lại cho anh G 9.000m^2 đất theo GCNQSDĐ số L 877507 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/10/1998 cho hộ ông Vàng Pà C;

2. Huỷ GCNQSDĐ số AP 071089 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/01/2009 cho ông Vàng Xúa C, bà Giàng Thị C.

Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang ngày 30/8/2024, anh G đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể anh Vàng Mí G yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Công nhận quyền sử dụng đất cho anh Vàng Mí G đối với diện tích đất 6.327,1m^2 nằm trong GCNQSDĐ số AP 071089 của ông Vàng Xúa C;

2. Huỷ một phần GCNQSDĐ số AP 071089 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/01/2009 cho ông Vàng Xúa C, bà Giàng Thị C (gọi tắt là GCNQSDĐ số AP 071089).

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, bị đơn Vàng Xúa C trình bày:

Ông C xác nhận ông nội ông C và ông nội anh G là anh em ruột. Khu đất có tranh chấp giữa ông C và anh G có nguồn gốc là của ông nội ông C được chia để lại cho bố ông C. Năm 1991, bố ông C giao lại cho ông C quản lý, sử dụng. Năm

2009, ông C được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AP 071089. Gia đình ông C quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Năm 2023, anh Vàng Mí G đến chặt phá khu rừng thuộc quyền quản lý của gia đình ông C nên hai bên gia đình phát sinh tranh chấp. Sau khi hoà giải ở thôn, xã không thành, ông C đã khởi kiện anh G tại TAND huyện Đ. Sau đó, anh G yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của ông C nên TAND huyện Đ hướng dẫn ông C rút Đơn khởi kiện, anh G sẽ khởi kiện tại TAND tỉnh Hà Giang. Ông C xác nhận trong khu đất rừng mà gia đình ông được cấp GCNQSDĐ, bố anh G có trồng một số cây sa mộc trên một phần đất, ông C đồng ý để anh G quản lý, sử dụng những cây sa mộc đã trồng. Gia đình anh G chỉ có một khu đất rừng nằm trong GCNQSDĐ số L 877507 do UBND huyện Đ cấp cho hộ ông Vàng Pà C nhưng khu đất này nằm ở vị trí khác, không phải khu vực đất có tranh chấp. Ông C không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh G, đề nghị TAND tỉnh Hà Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vàng Dũng S, ông Vàng Chứ S, ông Vàng Mí P, bà Vàng Thị D, bà Vàng Thị X (là anh chị em ruột anh G): Uỷ quyền cho anh G tham gia tố tụng và trình bày ý kiến. Tuy nhiên tại buổi tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/8/2024 ông S, ông S, ông P có mặt và có ý kiến nhất trí với quan điểm của nguyên đơn anh Vàng Mí G.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vàng Mí N, anh Vàng Mí Q (là con chung của ông Vàng Xúa C, bà Giàng Thị C): Do bà C là vợ ông C đã chết năm 2004, anh N và anh Q kế thừa quyền nghĩa vụ của bà C. Anh N uỷ quyền cho anh Q tham gia tố tụng và trình bày ý kiến. Anh Q nhất trí với quan điểm của ông C. Lý do: Khu đất tranh chấp là của cụ anh N, anh G được chia, bố các anh và gia đình đã sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2023, anh G đi phát rừng nên mới phát sinh tranh chấp. Anh N, anh Q xác nhận khu vực đất có cây sa mộc mặc dù nằm trong GCNQSDĐ của ông C nhưng gia đình vẫn đồng ý để nhà anh G quản lý khu vực đất đó.

Tại Công văn về việc cung cấp hồ sơ, tham gia ý kiến về yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện Đ, ông Trần Ngọc T trình bày: Các căn cứ pháp lý để UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AP 071089 như sau: Thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân; hình thức, Trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của Luật đất đai 2003. Tại thời điểm năm 2009, khi UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Vàng Xúa C đất không có tranh chấp. Việc anh G yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số AP 071089, UBND huyện Đ không nhất trí. UBND huyện Đ sao nộp toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Vàng Xúa C. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ khu vực đất có tranh chấp ngày 06/8/2024, xác định: Khu vực đất tranh chấp tại thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

* Nguyên đơn anh G xác định khu vực đất gia đình anh G quản lý có các vị trí tiếp giáp:

- Phía đông giáp đất ông Mua Chia C;

- Phía tây giáp đất ông Vàng Xúa C;

- Phía nam giáp đất ông Sùng Chúng C;

- Phía bắc giáp đất ông Mua Mí X.

Nguyên đơn anh G chỉ dẫn xác định gồm 25 điểm, ký hiệu G, từ điểm G1 đến điểm G25 khép về điểm G1.

* Bị đơn ông C xác định khu vực đất gia đình ông C quản lý có các vị trí tiếp giáp:

- Phía đông giáp đất ông Mua Chia C;

- Phía tây giáp đất ông Sùng Chứ S;

- Phía nam giáp đất ông Sùng Chúng C;

- Phía bắc giáp đất ông Mua Mí X.

Bị đơn ông C chỉ dẫn xác định gồm 26 điểm, ký hiệu C, từ điểm C1 đến điểm C26 khép về điểm C1.

Phần đất anh G chỉ dẫn nằm trong diện tích đất mà ông C chỉ dẫn và chính là diện tích đất có tranh chấp.

* Tình trạng, tài sản trên đất:

- Cây sa mộc 53 cây, đường kính bình quân 5cm, chiều cao trung bình 2,3m trên diện tích khoảng 319m^2 nằm trong diện tích đất anh G chỉ dẫn. Theo như ông C trình bày, những cây sa mộc này do bố anh G (Ông Vàng Pà C) trồng vào năm nào thì ông C không nhớ được.

Ngoài ra là các loại cây bụi, bụi cỏ không xác định được tên cây.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh Hà Giang định giá như sau:

+ Đối với trị giá đất tranh chấp: Giá trị đất được tính là 9.000đồng/m^2, diện tích đất tranh chấp là 6.327,1m^2 x 9.000 = 56.943.900 đồng;

+ Đối với trị giá tài sản nằm trên diện tích đất tranh chấp, bao gồm:

- Cây sa mộc 53 cây/ 319m^2 = 8.422.796 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Vàng Mí G rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.327,1m^2 đất rừng; bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện từ huỷ một phần GCNQSDĐ nay đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ GCNQSDĐ số AP 071089.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Vàng Xúa C, anh Q trình bày: Phía bị đơn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh G về việc huỷ GCNQSDĐ của gia đình ông C. Gia đình ông C vẫn đồng ý cho nhà anh G được quyền quản lý những cây sa mộc trồng trên đất, khi nào khai thác xong thì phải trả lại đất cho gia đình ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Đ, tỉnh Hà Giang, đại diện theo uỷ quyền ông Trần Ngọc T - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ có quan điểm: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vàng Mí G về việc đề nghị Hội đồng xét xử huỷ GCNQSDĐ số AP 071089. Căn cứ là gia đình anh G có quản lý, sử dụng một phần đất nằm trong GCNQSDĐ của

ông C (có 53 cây sa mộc); trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số AP 071089 không đúng quy định của pháp luật (GCNQSDĐ ban hành trước ngày 09/01/2009, Quyết định về việc cấp GCNQSDĐ ban hành sau ngày 12/01/2009).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận QSDĐ của anh G do người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G về việc huỷ GCNQSDĐ số AP 071089 của ông Giàng Xúa C. Căn cứ là gia đình anh G có quản lý, sử dụng một phần đất nằm trong GCNQSDĐ của ông C (có 53 cây sa mộc); trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số AP 071089 không đúng quy định của pháp luật (GCNQSDĐ ban hành trước ngày 09/01/2009, Quyết định về việc cấp GCNQSDĐ ban hành sau ngày 12/01/2009).

- Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*HĐXX*) *nhận định như sau*:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Trong Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, anh G yêu cầu công nhận 6.327,1m^2 đất rừng nằm trong GCNQSDĐ số AP 071089 của ông Giàng Xúa C thuộc quyền sử dụng của anh G, huỷ GCNQSDĐ số AP 071089. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh G cho rằng khu đất có tranh chấp là của bố mẹ anh để lại; GCNQSDĐ số AP 071089 cấp cho ông Vàng Xúa C, bà Giàng Thị C nhưng bà C đã chết. Do vậy Toà án đưa các anh chị em của anh G và con chung của ông C, bà C là: Ông Vàng Dũng S, ông Vàng Chứ S, ông Vàng Mí P, bà Vàng Thị D, bà Vàng Thị X (là anh chị em của anh G; anh Vàng Mí N, Vàng Mí Q (là con chung của ông C, bà C) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Việc xác định và đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vào tham gia tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên toà, nguyên đơn anh Vàng Mí G rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc công nhận diện tích đất 6.327,1 m^2 nằm trong GCNQSDĐ số AP 071089, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu huỷ một phần GCNQSDĐ thành yêu cầu huỷ toàn bộ GCNQSDĐ số AP 071089. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh G là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 217, 218 Bộ Luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của anh Giàng. Đối với việc bổ sung yêu cầu khởi kiện từ huỷ một phần GCNQSDĐ thành huỷ toàn bộ GCNQSDĐ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh G về việc hủy GCNQSDĐ số AP 071089. Xét thấy:

[5] GCNQSDĐ số AP 071089 được cấp đổi từ GCNQSDĐ số V 475613 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/9/2001. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã yêu cầu UBND huyện Đ, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Đ cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ số V 475613 và được trả lời là hiện tại không còn lưu trữ. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện Đ có ý kiến hồ sơ cấp GCNQSDĐ số V 475613 đã bị thất lạc, không còn lưu trữ nên HĐXX không có căn cứ để xác định trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ trên có đúng quy định của pháp luật hay không. Do vậy cần xem xét trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số AP 071089.

[6] Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: Tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2009, UBND huyện Đ, tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Lũng Táo, tại danh sách cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp thôn L, ông Vàng Xúa C tại số thứ tự 23, địa chỉ thôn L, xã L, tờ bản đồ 1, thửa số 92, diện tích 14.144m^2. Căn cứ quy định tại Điều 52 Luật đất đai năm 2003, Điều 41, 44 Nghị định 181/2004 ngày 29/10/2004 của Chính Phủ, Điều 18, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, UBND huyện Đ, tỉnh Hà Giang cấp giấy CNQSDĐ số AP 071089 là đúng thẩm quyền.

[7] Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ: UBND huyện Đ căn cứ vào Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ đề ngày 17/8/2008 của ông C, đã căn cứ vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng và Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa lập ngày 17/8/2008 của UBND xã L để cấp GCNQSDĐ số AP 071089. Tuy nhiên, GCNQSDĐ số AP 071089 được phát hành ngày 09/01/2009 nhưng đến ngày 12/01/2009 UBND huyện Đ mới ra Quyết định số 34/QĐ-UB. Như vậy, trình tự, thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ của ông Vàng Xúa C không đúng quy định tại Điều 144 Nghị định 181/2004 của Chính phủ, Điều 18, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về trình tự thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ, phát hành GCNQSDĐ trước sau đó mới ra Quyết định về việc cấp GCNQSDĐ.

[8] Về hình thức cấp GCNQSDĐ: Việc thể hiện các thông tin, nội dung trên GCNQSDĐ được thực hiện không đúng theo Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 và Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2006 của Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành về GCNQSDĐ vì tại thời điểm UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông C thì bà Giàng Thị C đã chết (theo trích lục khai tử của UBND xã L, huyện Đ, bà C đã chết ngày 09/01/2003). (BL 62).

[9] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của việc cấp GCNQSDĐ số AP 071089:

[10] Tại Biên bản xác minh ông Mua Mí X (BL97-98), là người có đất rừng giáp ranh với khu vực đất có tranh chấp, ông X cho biết: Thửa đất có tranh chấp giữa anh G và ông C có nguồn gốc là của ông cha ông C và anh G để lại (ông nội ông C và anh G là anh em ruột). Đến đời bố anh G và ông C thì khu đất được chia thành 3 phần, phần bố ông C (ông Vàng Phái T) ở giữa khu đất, phần bố anh G (ông Vàng Pà C) phía dưới khu đất, phần ông Vàng Xía M ở trên cùng, cả 3 nhà quản lý, sử dụng ổn định. Không hiểu vì lý do gì ông C lại được cấp GCNQSDĐ toàn bộ khu đất đã chia trên.

[11] Tại Biên bản xác minh ông Vàng Chứ S (BL99), ông Sùng Sính G (BL 101), anh Sùng Mí C (BL103), là những người dân sinh sống tại thôn L, ông S, ông G, anh C cũng xác định khu đất rừng đang có tranh chấp có nguồn gốc của ông cha anh G và ông C để lại. Khi nhà nước có chủ trương cấp GCNQSDĐ cho người dân trên địa bàn, bố anh G (ông C) đồng ý cho ông C đứng tên trên GCNQSDĐ nhưng ông C vẫn tiếp tục sử dụng một phần đất rừng nằm trong GCNQSDĐ của nhà ông C, ông C không có ý kiến gì. Sau khi ông C chết, khu đất ông C trồng cây sa mộc được nhà nước cấp GCNQSDĐ cho ông C, ông C không cho anh G sử dụng đất nên hai nhà phát sinh tranh chấp. Anh C cho rằng khu đất có trồng cây sa mộc trước đây bố anh Gcó trồng tam giác mạch, sau đó ông C chuyển sang trồng cây sa mộc, sau đó anh chỉ thấy nhà ông C quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

[12] Tại Biên bản xác minh trưởng thôn L, xã L (BL102), ông Vàng Mí S cho rằng bản thân thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không xác định được đất thuộc quyền sử dụng của ai. Tuy nhiên, tại Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai của UBND xã L (BL 08), ông S cho rằng gia đình ông có đất ở gần khu vực đất có tranh chấp, trước thời điểm 2009, vẫn thấy gia đình ông G quản lý đất và lên rừng lấy củi, theo ông S thì khu đất tranh chấp thuộc về anh G.

[13] Tại biên bản xác minh cán bộ địa chính xã L, huyện Đ (BL 105-106), xác định nguồn gốc khu đất tranh chấp là của ông cha anh G và ông C để lại. Đến đời bố anh G là ông Vàng Pà C, khu đất được chia làm 3 phần gồm: ông Vàng Pà C, ông Vàng Xúa C, ông Vàng Xía M mỗi người một phần quản lý, sử dụng. Sau khi ông C chết, anh G là người tiếp tục quản lý khu đất rừng của ông C. Chứng cứ chứng minh gia đình anh G có sử dụng khu vực đất tranh chấp là có 53 cây sa mộc do ông C và bố ông C trồng khoảng năm 1997-1998. Tuy nhiên, thửa đất tranh chấp thể hiện tại thửa 92, tờ bản đồ số 1, bản đồ lâm nghiệp xã L, tại sổ mục kê trang số 7, số thứ tự 92 mang tên hộ ông Vàng Xúa C.

[14] Tại Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai của UBND xã L ngày 03/10/2023 (BL 07-08), anh Vàng Mí G (cháu nội ông Vàng Xía M), anh G xác định toàn bộ diện tích đất rừng nằm trong GCNQSDĐ của ông Vàng Xúa C đã được chia làm 3 phần. Phần của gia đình anh G do gia đình anh G quản lý, sử dụng ổn định từ khi chia đất đến nay. Quá trình Toà án giải quyết vụ việc, anh G đi làm ăn ở xa, không xác định được địa chỉ nên Toà án không thẩm tra được nội dung này.

[15] Tại Biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/8/2024 (BL137-142), ông C xác nhận trong khu đất rừng mà gia đình ông được cấp GCNQSDĐ, bố anh G có trồng một số cây sa mộc trên một phần đất, ông C đồng ý để anh G quản lý, sử dụng những cây sa mộc đã trồng.

[16] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập, nhận thấy: Những người dân sinh sống lâu năm tại thôn L, xã L đều xác nhận khu đất tranh chấp giữa anh G và ông C có nguồn gốc là của ông cha anh G và ông C để lại, gia đình anh G vẫn sử dụng, quản lý một phần đất rừng, bản thân ông C tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và phiên toà xác nhận 53 cây sa mộc trên đất là của bố anh G trồng, gia đình anh G vẫn quản lý diện tích đất có trồng cây sa mộc. Mặc dù vợ chồng ông C có GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp nhưng không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất nên việc ông C cho rằng toàn bộ khu đất là của bố ông C để lại cho ông C là không có căn cứ.

[17] Xét thấy diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ số AP 071089 có nguồn gốc của ông cha anh G và ông C để lại, bố anh G và anh G có quản lý, sử dụng một phần diện tích đất từ năm 1997 đến nay. Cơ quan chuyên môn xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất chưa chính xác, không xác minh làm rõ diện tích đất gia đình anh G sử dụng nằm trong diện tích đất hộ ông C kê khai cấp GCNQSDĐ do ai sử dụng và tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất (có tranh chấp không) dẫn đến việc UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho riêng vợ chồng ông C không chính xác về người sử dụng đất. Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vàng Mí G về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AP 071089.

[18] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[19] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/8/2024 là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), anh G đã nộp đủ. Do yêu cầu của anh G được chấp nhận nên anh G không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản. Bị đơn ông Vàng Xúa C phải chịu toàn bộ chi phí theo quy định của pháp luật. Cần buộc ông C phải hoàn trả cho anh G số tiền 7.000.000 đồng.

[20] Về án phí: Ông Vàng Xúa C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ông C đề nghị HĐXX miễn án phí cho ông C do ông C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 157, Điều 165, 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 101 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu công nhận diện tích đất 6.327,1 m^2 nằm trong GCNQSDĐ số AP 071089 của anh Vàng Mí G do người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vàng Mí G đối với ông Vàng Xúa C, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 071089 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/01/2009 cho ông Vàng Xúa C, bà Giàng Thị C.

Ông Vàng Xúa C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp lại GCNQSDĐ theo đúng diện tích, ranh giới và đối tượng sử dụng đất.

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Vàng Xúa C trả cho anh Vàng Mí G số tiền là 7.000.000 đồng (Bẩy triệu đồng chẵn).

4. Về án phí:

4.1. Anh Vàng Mí G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Miễn án phí cho ông Vàng Xúa C.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Tổ HCTP; Phòng KTNV-TAND tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Quy